

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 23-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương.

Bà Lương Thị Anh Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại Trường trung học phổ thông Tân Hồng, địa chỉ: Khóm 2, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 09-10-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 11-11-2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Thị L, sinh năm 1999 tại Tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ve, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang tại ngoại, (có mặt).

2/ Đỗ Văn D, sinh năm 1993 tại Tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Pha, sinh năm 1966 và bà Trịnh Thị Nga, sinh năm 1970; Tiền án: không; tiền

sự: vào ngày 01-4-2020 bị UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Thời gian 03 tháng, kể từ ngày 01-4-2020 đến ngày 01-7-2020 do xác định tình trạng nghiện ma túy, loại Methamphetamine; tạm giữ ngày 07-5-2020, tạm giam ngày 13-5-2020, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Trần Hữu Nam, sinh năm 1992. Nơi cư trú: khóm 3, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: 1/ Nguyễn Văn Khuân, sinh năm 1963. Cư trú: khóm 3, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

2/ Phan Văn Thắng, sinh năm 1997;

3/ Phạm Thị Kim Thảo, sinh năm 1996;

4/ Phạm Đình Phong, sinh năm 2000;

Cùng cư trú: khóm 2, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Nguyễn Chí Cường, sinh năm 1992;

6/ Tô Thanh Vũ, sinh năm 1991.

Cùng cư trú: khóm 1, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (tất cả người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 07-5-2020, Trần Thị L gọi điện thoại nhờ Đỗ Văn D đến Trạm xe khách Hùng Cường ở khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng để lấy ma túy do L mua của một người nữ tên Nhi ở thành phố Hồ Chí Minh (không biết rõ họ và địa chỉ cụ thể) mua ma túy với số tiền là 4.000.000đồng, mục đích L mua về để bán lại kiếm lời. Khi L nhờ đi lấy ma túy thì D đồng ý. Sau đó D chạy xe đạp đến nhà của Nguyễn Trần Hữu Nam ở khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng mượn xe mô tô Biển kiểm soát: 66K1-248.23. Sau khi mượn xe của Nam thì D chạy đến trạm xe Hùng Cường, lúc này D gặp chị Phạm Thị Kim Thảo là nhân viên của trạm xe, D nói là lấy đồ nên chị Thảo hỏi tên người gửi và người nhận, D nói không đúng nên chị Thảo không cho nhận. Lúc này D gọi điện thoại về cho L hỏi số điện thoại của người gửi, khoảng 05

phút sau thì L nhắn tin qua điện thoại cho D số điện thoại người gửi là 0704138352, sau đó D nói đúng số điện thoại người gửi thì Thảo mới lấy bao thư màu trắng giao cho D nhận, bên ngoài bao thư ghi tên người gửi là “Thu”, người nhận tên “Bé Pi”. Khi nhận được bao thư, D chuẩn bị lên xe chạy đi thì bị lực lượng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự - kinh tế và ma túy Công an huyện Tân Hồng nghi vấn nên tiến hành kiểm tra bao thư trên tay của D thì phát hiện bên trong bao thư có 01 bìch nylon màu trắng, có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Trần Thị L còn khai nhận đã 02 lần mua ma túy của Nhi và nhờ D đi lấy giùm về bán lại kiếm lời, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ trong tháng 11-2019 (không nhớ ngày), L gọi điện thoại nhờ D đến Trạm xe khách Hùng Cường ở khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng để lấy ma túy, lần này L cũng mua của Nhi với số tiền là 4.000.000đồng. Khi D lấy ma túy về thì giao lại cho L, sau đó L triết nhỏ ra thành nhiều bìch nylon để bán lại, trong lần này L bán ma túy cho D tổng cộng 03 lần, mỗi lần số tiền là 200.000đồng để D sử dụng, ngoài ra L còn bán cho nhiều người khác nhưng không biết tên và địa chỉ. Lần này L mua ma túy về bán lại kiếm lời được 3.000.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ trong tháng 02-2020 (không nhớ ngày), lúc này D đến nhà của L chơi thì L nhờ D đến Trạm xe khách Hùng Cường ở khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng để lấy ma túy, lần này L cũng mua của Nhi số tiền 4.000.000đồng. Khi D lấy ma túy về thì giao lại cho L, sau đó L cũng triết nhỏ ra thành nhiều bìch nylon để bán lại, trong lần này L bán ma túy cho Phạm Đình Phong tổng cộng 07 lần để Phong sử dụng, cụ thể: bán 03 lần trong khoảng tháng 02-2020 (không nhớ ngày), mỗi lần số tiền là 200.000đồng và bán 04 lần trong khoảng tháng 3-2020 (không nhớ ngày), mỗi lần số tiền là 300.000đồng. Ngoài ra L còn bán cho nhiều người khác nhưng không biết tên và địa chỉ. Lần này L mua ma túy về bán lại kiếm lời được 3.000.000đồng.

Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm:

- 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có chữ S.GÒN - T.HỒNG đóng dấu vuông màu đỏ, bên trong có 01 bìch nylon màu trắng, có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong. Theo bản kết luận giám định số: 381/KL-KTHS ngày 09-5-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 1 bìch nylon là chất ma túy, có khối lượng

11,873 gam, loại Methamphetamine. Sau giám định hoàn lại khối lượng 11,417 gam chất ma túy.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-NEO5 màu trắng, sim số: 0961184143, đã qua sử dụng.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar-B310 màu đen-trắng, sim số: 0938074041, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô Biển kiểm soát: 66K1-248.23, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu sơn xanh-trắng, số máy: 55P1180775; số khung: 5P10CY180766, đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKSTH, ngày 08-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Trần Thị L và Đỗ Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo L và bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị L và bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; tình tiết tăng nặng: không; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tự khai nhận các lần phạm tội trước đây mà chưa bị phát hiện được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 08 năm đến 09 năm tù, bị cáo D 07 đến 08 năm tù.

Về vật chứng:

- Đối với 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có đóng dấu vuông màu đỏ, ghi chữ màu đỏ S.GÒN - T.HỒNG đã bị xé rách một đầu và 11,417 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-NEO5 màu trắng, sim số: 0961184143 và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar-B310 màu đen-trắng, sim số: 0938074041, đã qua sử dụng. Đây là công cụ do Trần Thị L và Đỗ Văn D dùng vào việc phạm tội. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 6.000.000đồng mà bị cáo Trần Thị L lợi nhuận thu được từ việc mua bán ma túy. Đây là nguồn thu bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy mà có. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc Trần Thị L nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 66K1-248.23 do Đỗ Văn D mượn của Nguyễn Trần Hữu Nam, khi Nam cho D mượn, Nam không biết D dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã trao trả lại cho Nam quản lý, sử dụng.

Đối với Phạm Đình Phong, đã 07 lần mua ma túy của Trần Thị Ly, mục đích để sử dụng nên không xem xét xử lý.

Trong quá trình điều tra, Trần Thị L khai nhận đã 03 lần mua ma túy của một người nữ tên Nhi ở thành phố Hồ Chí Minh, do không biết họ và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, do đó chưa có căn cứ để xem xét xử lý đối với Nhi.

Bị cáo L và bị cáo D không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính pháp lý của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: bị cáo L là người chủ mưu còn bị cáo D là người giúp sức đã có hành vi mua bán 11,873 gam ma túy loại

Methamphetamine vào ngày 07-5-2020 và 02 lần mua bán ma túy loại Methamphetamine vào tháng 11-2019 và tháng 02-2020.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

i) ...Methamphetamine,... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”;

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát quyết định truy tố và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ chất ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành, sử dụng trái phép chất ma túy là một trong những tệ nạn xã hội cần bày trừ bởi nó là một trong những nguyên nhân dẫn tới các hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp tài sản, giết người..., là nguyên nhân dẫn tới tan vỡ hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng rất xấu tới đời sống xã hội, do vậy cần xử lý nghiêm các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo L có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự còn bị cáo D nhân thân không tốt bởi bị UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do xác định tình trạng nghiện ma túy, loại Methamphetamine.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự thú vì đã tự khai nhận các lần phạm tội trước đây mà chưa bị phát hiện được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình phạt để tạo cơ hội cho các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, cụ thể:

- 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có đóng dấu vuông màu đỏ, ghi chữ màu đỏ S.GÒN - T.HỒNG đã bị xé rách một đầu và 11,417 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-NEO5 màu trắng, sim số: 0961184143 và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar-B310 màu đen-trắng, sim số: 0938074041, đã qua sử dụng. Đây là công cụ do Trần Thị L và Đỗ Văn D dùng vào việc phạm tội tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 6.000.000đồng mà bị cáo Trần Thị L lợi nhuận thu được từ việc mua bán ma túy. Đây là nguồn thu bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy mà có do đó buộc bị cáo Trần Thị L nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 66K1-248.23 do Đỗ Văn D mượn của Nguyễn Trần Hữu Nam, khi Nam cho D mượn, Nam không biết D dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã trao trả lại cho Nam quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Phạm Đình Phong, đã 07 lần mua ma túy của bị cáo Trần Thị Ly, mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Trong quá trình điều tra, Trần Thị L khai nhận đã 03 lần mua ma túy của một người nữ tên Nhi ở thành phố Hồ Chí Minh, do không biết họ và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, do đó trong vụ án này Hội đồng xét xử chưa có căn cứ để xem xét xử lý đối với Nhi.

[6] Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 07-5-2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-NEO5 màu trắng, sim số: 0961184143 và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Mobiiistar-B310 màu đen-trắng, sim số: 0938074041, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có đóng dấu vuông màu đỏ, ghi chữ màu đỏ S.GÒN - T.HỒNG đã bị xé rách một đầu và 11,417 gam ma túy, loại Methamphetamine.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-10-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

- Buộc bị cáo Trần Thị L nộp 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Thị L và Đỗ Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-11-2020). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Công an huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư